

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-02-2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ T Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung

Bà Trịnh Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Nhung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 244/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hà Văn T - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Nguyệt Thượng, xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Trần Thị L - Sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn Đồng Lợi, xã Yên Lợi, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị M - Sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn Nguyệt Thượng, xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Người làm chứng: Ông Trần Trung T1 - Sinh năm 1966; bà Ninh Thị H - Sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn Đồng Lợi, xã Yên Lợi, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt bà Hồng; vắng mặt anh T, chị L, bà M, ông Thái.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn anh Hà Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Trần Thị L vào ngày 14/7/2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không có tình cảm; chị L ham chơi và có quan hệ không đứng đắn. Chị L đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng với anh từ tháng 11/2019 cho đến nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, nên đề nghị Tòa án giải quyết để anh được ly hôn với chị L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn chị Trần Thị L trình bày: Thời gian địa điểm kết hôn như anh T trình bày là đúng, chị và anh T kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng ba tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị có đi dự sinh nhật và đi dự ngày hội gia đình do công ty chị làm tổ chức về muộn, anh T và gia đình anh T nghi ngờ chị có quan hệ bất chính nên đã chửi bới, xúc phạm đến nhân cách của chị. Ngày 15/11/2019 gia đình anh T đã gửi chị về nhà bố mẹ đẻ, chị và anh T sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ đó đến nay. Chị L xác định hiện không còn tình cảm vợ chồng với anh T, chị đồng ý ly hôn với điều kiện bà Hà Thị M mẹ đẻ anh T phải bồi thường cho chị 50.000.000đ do có lời nói xúc phạm và vu khống cho chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị M trình bày: Sau khi anh T và chị L kết hôn thì anh chị chung sống cùng gia đình nhà bà; chị L và anh T đều đi làm công nhân nên đi từ sáng đến tối mới về, những ngày nghỉ chị L đi chơi hoặc về nhà bố mẹ đẻ; có lần chị L đi chơi đến 12 giờ đêm mới về, bà và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng do chị L đã có một đời chồng và có con riêng nên không toàn tâm, toàn ý với anh T và gia đình bà. Bà M xác định chưa bao giờ có lời nói hành động xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự của chị L; bà M có quan điểm không đồng ý với yêu cầu của chị L buộc bà phải bồi thường 50.000.000đ do có lời nói chị có quan hệ nam nữ bất.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Ninh Thị H và ông Trần Trung T1 là bố, mẹ đẻ của chị Trần Thị L có lời khai: Sau khi kết hôn được khoảng ba tháng thì gia đình anh T có đưa chị L về gửi lại gia đình bà và nói do chị L có quan hệ bất chính với người khác, đổ oan cho chị L. Bà H, ông T1 không có tài liệu, chứng cứ gì cung cấp

cho Tòa án về việc bà M có lời nói, hành động xúc phạm, vu khống cho chị L có quan hệ bất chính với người khác.

Đại diện địa phương cho biết: Chị L và anh T lấy nhau có đăng ký kết hôn tại xã Yên Tân, huyện Ý Yên. Trước khi kết hôn chị L có một đời chồng đã ly hôn, hiện chị L đang nuôi một con riêng; khoảng tháng 11/2019 chị L về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đồng Lợi, xã Yên Lợi, huyện Ý Yên sinh sống. Mâu thuẫn giữa anh T và chị L cụ thể thế nào thì địa phương không biết. Việc ly hôn giữa chị L và anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa: Bà Ninh Thị H là mẹ đẻ của chị L trình bày, chị Trần Thị L và ông Trần Trung T1 đã nhận được các văn bản tố tụng mà Tòa án đã gửi nhưng do bận công việc nên chị L và ông T1 không đến tham gia phiên tòa được. Chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như quá trình làm việc tại Tòa án. Chị L, ông T1 và bà không có bất kỳ tài liệu chứng cứ gì cung cấp thêm; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định để bảo vệ quyền lợi cho chị L.

Chủ tọa phiên tòa công bố lý do đương sự vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đánh giá quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý, T hành thu thập chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành tốt quy định của pháp luật; bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Sau khi kết hôn, chị L và anh T chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nghi ngờ nhau; chị L và anh T đã ly thân chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Vì vậy đề nghị áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình giải quyết để anh T được ly hôn với chị L. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác, anh T và chị L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Đối với yêu cầu của chị L về việc buộc bà Hà Thị M là mẹ đẻ anh T phải bồi thường cho chị 50.000.000đ do có lời nói xúc phạm và vu khống cho chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận. Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của anh Hà Văn T thì Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Để mở lại phiên tòa này, Tòa án đã tiếp tục thực hiện tổng đạt, thông báo đầy đủ, hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần hai cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định T hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn T và chị Trần Thị L kết hôn ngày 14/7/2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách và lối sống của vợ chồng không hòa hợp, dẫn đến vợ chồng nghi ngờ nhau trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 11/2019 cho đến nay và cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Đối với yêu cầu của chị L về việc buộc bà Hà Thị M là mẹ đẻ anh T phải bồi thường cho chị 50.000.000đ do có lời nói xúc phạm và vu khống cho chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình làm việc tại Tòa án, chị L không xuất trình được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình; hơn nữa về thực tế chị L cũng không bị tổn thất gì về vật chất và tinh thần. Do vậy yêu cầu của chị L là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Anh Hà Văn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Hà Văn T và chị Trần Thị L.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Không chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L về việc buộc bà Hà Thị M là mẹ đẻ anh T phải bồi thường cho chị 50.000.000đ do có lời nói xúc phạm và vu khống cho chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Anh Hà Văn T phải nộp là 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ anh T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001284, ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Anh T đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L, anh Hà Văn T, bà Hà Thị M vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã Yên Lợi;
- Lưu: HS, VP.

(đã ký)

Vũ Tiến Mãn

